

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-PT

Ngày: 16 - 8 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản; yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ bảo lãnh*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm
Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm
2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ bảo lãnh*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 25/4/2022 của Tòa án
nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 143/2022/QĐ-PT ngày
06/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Trọng T, sinh năm: 1947

Địa chỉ: B N, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Mỹ L, sinh năm: 1995. Địa chỉ: M TQD,
Phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày
28/02/2020.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thái N – Văn phòng luật sư Nguyễn Thái N thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Trọng Đ, sinh năm 1962

Địa chỉ: B P, tổ C, phường H, thành phố BL, Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng S, sinh năm: 1991. Địa chỉ: B P, tổ C, phường H, thành phố BL, Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2022.

3. *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

3.1. Ông Phạm Phú B, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Xóm N, thôn H, xã ĐL, thành phố BL, Lâm Đồng

3.2. Công ty TNHH TT PC

Trụ sở: Xóm N, thôn H, xã ĐL, thành phố BL, Lâm Đồng

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú B, sinh năm: 1961.

3.3. Ông Phạm Tiến N, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: C CVA, Phường M, thành phố BL, Lâm Đồng

Người kháng cáo: Ông Trần Trọng S – Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

(Bà L, ông S và Luật sư Nguyễn có mặt; Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T là bà Hoàng Mỹ L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 04/8/2014 ông Đoàn Trọng T đã cho ông Trần Trọng Đ vay số tiền là 500.000.000 đồng, ông Đ có nói với ông T là ông Đ vay tiền để góp vốn làm ăn với một người bạn của ông Đ tên là B.

Khi vay ông Đ đã tự tay viết giấy biên nhận tiền vay 500.000.000 đồng vào ngày 04/8/2014 và ký xác nhận cho nguyên đơn. Đồng thời hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng, ông Đ đã trả tiền lãi cho ông T từ ngày 22/8/2014 đến ngày 28/12/2015 tổng cộng là 58.000.000 đồng; số tiền lãi này ông Đ trả nhiều lần bằng tiền mặt, vì có mối quan hệ quen biết tin tưởng nên mỗi lần trả tiền lãi thì hai bên không viết giấy tờ giao nhận số tiền lãi. Từ sau ngày 28/12/2015 đến nay thì bị đơn không trả tiền nợ gốc lẫn tiền lãi cho nguyên đơn nữa.

Ngày 22/12/2016 nguyên đơn đã viết thông báo gửi cho bị đơn qua đường bưu điện yêu cầu trả số tiền gốc và lãi còn thiếu, bị đơn nhận được thông báo

yêu cầu trả tiền của nguyên đơn nhưng vẫn cố tình không trả cả tiền gốc lẫn tiền lãi. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi là 180.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì ngày 25/11/2020 phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả số tiền nợ vay 516.571.000 đồng thay cho Công ty TNHH TT PC theo Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014 thì nguyên đơn không đồng ý; vì nguyên đơn cho rằng không phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh và thời hiệu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã hết theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Trọng Đ và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Trọng S trình bày:

Ông Đ cùng ông Phan Tiến N cho Công ty TNHH TT PC do ông Phạm Phú B (*giám đốc*) là đại diện theo pháp luật vay số tiền 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ ngày 18/7/2014. Trong số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng này thì ông N cho vay 500.000.000 đồng còn ông Đ cho vay 1.500.000.000 đồng, nhưng trong 1.500.000.000 đồng này thì tiền của ông Đ chỉ có 1.000.000.000 đồng, còn 500.000.000 đồng là của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T đưa cho ông Đ theo Giấy nhận tiền ngày 4/8/2014 để nhập chung đưa cho công ty PC vay.

Trước khi các bên ký Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ nói trên thì giữa ông Đ và ông T, ông B có lập Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014 với nội dung ông T bảo lãnh cho ông B vay vốn theo Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ ngày 18/7/2014, nếu có thiệt hại phát sinh cho ông Đ thì ông T phải trả nợ thay ông B.

Đến ngày 10/10/2015 thì các bên lập Biên bản đối chiếu công nợ của Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ; do công ty PC đã trả 1.500.000.000 đồng tiền vay gốc cho ông Đ và ông N nên số tiền nợ còn lại là 561.571.666 đồng, trong đó gồm tiền gốc là 500.000.000 đồng của ông T và tiền lãi 61.571.666 đồng.

Đối với số tiền lãi 61.571.666 đồng thì sau đó ông B đã trả cho ông Đ 45.000.000 đồng vào ngày 5/12/2015, số tiền lãi còn lại 16.570.000 đồng ông Đ thấy ông B khó khăn nên đã cho ông B số tiền lãi này. Về số tiền vay gốc 500.000.000 đồng công ty PC còn nợ thì giữa ông Đ và ông T, ông B thỏa thuận miệng chuyển số tiền gốc 500.000.000 đồng này sang cho cá nhân ông B trực tiếp vay của ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả 500.000.000 đồng tiền vay gốc theo Giấy nhận tiền ngày 4/8/2014 thì ông Đ không đồng ý vì số tiền này ông T đã chuyển sang cho cá nhân ông B vay nên ông B mới là người có nghĩa vụ trả số

tiền gốc 500.000.000 đồng cho ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn ông T có nghĩa vụ trả nợ vay thay cho Công ty TNHH TT PC theo Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014 với số tiền vay Công ty còn nợ của ông Đ là 516.571.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền vay gốc và 16.571.000 đồng tiền lãi theo Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ ngày 18/7/2014 giữa Công ty với ông Đ và ông N.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Tiến N trình bày:

Ông cùng ông Đ cho Công ty TNHH TT PC vay số tiền 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ ngày 18/7/2014. Trong số tiền cho vay 2.000.000.000 đồng này thì ông cho vay 500.000.000 đồng; còn ông Đ cho vay 1.500.000.000 đồng. Quá trình vay tiền thì công ty PC đã trả đầy đủ tiền lãi cho ông. Hiện công ty PC đã trả cho ông số tiền gốc 500.000.000 đồng, còn việc đối chiếu công nợ số tiền công ty PC còn nợ lại giữa ông Đ với công ty thì ông không biết vì không liên quan đến ông do ông đã nhận đủ số tiền gốc ông cho công ty vay.

Đối với việc ông T, ông Đ và ông B thỏa thuận miệng chuyển số tiền gốc 500.000.000 đồng trong số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ thành tiền công ty nợ của ông T và việc lập Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014 giữa ông B, ông T, ông Đ thì ông không biết. Do công ty PC đã trả đủ số tiền vay gốc 500.000.000 đồng cho ông nên ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì với các đương sự trong vụ án này.

3.2. Ông Phạm Phú B và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TT PC đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng từ chối làm việc, không đồng ý trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do các đương sự không có mặt đầy đủ.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Trọng T. Buộc ông Trần Trọng Đ có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Trọng T 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng tiền vay gốc theo giấy viết tay ngày 04/8/2014.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Đ về việc yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014. Quyền khởi kiện lại của ông Đ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/5/2022 ông Trần Trọng S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm đối với số tiền 500.000.000đ. Đây là khoản tiền của ông T đưa cho bị đơn để cùng cho Công ty TNHH TT PC vay.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay gốc 500.000.000 đồng theo giấy viết tay đề ngày 04/8/2014 và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại đối với số tiền 500.000.000đ. Đây là khoản tiền của nguyên đơn đưa cho bị đơn để cùng cho Công ty TNHH TT PC vay. Do đó, Công ty PC mà đại diện là ông Phạm Phú B mới là người có nghĩa vụ trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Trọng Đ; Đối với yêu cầu của ông T buộc ông Đ trả số tiền lãi 180.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án ông T đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Đ trả số tiền lãi trên. Tuy nhiên tại phần quyết định bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối với yêu cầu này là có sự thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Đoàn Trọng T khởi kiện yêu cầu ông Trần Trọng Đ trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 04/8/2014. Tuy nhiên ông Đ không đồng ý trả, đồng thời yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH TT PC. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Theo nội dung giấy vay ngày 04/8/2014 thể hiện “*Tôi: Trần Trọng Đ có nhận của anh T 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu) để góp vào hợp đồng vay tiền của ông B ương tư Đại Lào*”. Giấy viết tay có chữ ký và xác nhận của ông Trần Trọng Đ. Qua lời trình bày của bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 500.000.000 đồng của ông T theo giấy viết tay ngày 04/8/2014 nói trên nhưng bị đơn cho rằng số tiền này bị đơn không vay của ông T mà ông T đưa cho bị đơn để cùng cho Công ty TNHH TT PC vay theo Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ ngày 18/7/2014. Sau đó giữa bị đơn, ông T và ông B là đại diện theo pháp luật của Công ty PC thỏa thuận miệng chuyển số tiền này sang cho cá nhân ông B vay, nên bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn cho rằng ông B mới là người có trách nhiệm trả số tiền này cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, qua xem xét nội dung Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ ngày 18/7/2014 thể hiện bên vay là Công ty TNHH TT PC, đại diện công ty là ông Phạm Phú B và bên cho vay là ông Trần Trọng Đ, ông Phan Tiến N với số tiền cho vay là 2.000.000.000 đồng, trong đó ông Đ cho vay 1.500.000.000 đồng, ông N cho vay 500.000.000 đồng. Trong nội dung hợp đồng không thể hiện nguyên đơn ông T có cho Công ty PC vay tiền.

Qua lời trình bày của bị đơn thì giữa ông Đ, ông T và ông B đã thỏa thuận chuyển số tiền tranh chấp sang cho cá nhân ông B vay nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không có người làm chứng về việc thỏa thuận này, trong khi đó nguyên đơn không thừa nhận. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/10/2015 giữa công ty PC với ông Đ mặc dù có ghi nội dung “*Số tiền còn lại 500.000.000 đồng ông B, ông Đ, ông T thống nhất chuyển cho ông T trực tiếp cho ông B vay và lấy lãi hàng tháng, không thông qua ông Đ kể từ ngày 10/10/2015*” nhưng Biên bản không có chữ ký xác nhận đồng ý của nguyên đơn ông T. Ngoài ra, ông Đ còn trình bày số tiền 500.000.000 đồng đang tranh chấp trong vụ án này đã được giải quyết tại Bản án số 240/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (*Bút lục 99-101*). Tuy nhiên trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được từ Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh thì tại Bản án số 240 này buộc ông B trả cho ông T số tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng, số tiền này không liên quan số tiền 500.000.000 đồng đang tranh chấp trong vụ án này. Hơn nữa, các tài liệu chứng cứ làm cơ sở để giải quyết vụ án tại Bản án số 240 của Tòa án nhân dân Quận 1 gồm Giấy biên nhận ngày 12/02/2015, Giấy biên nhận nợ ngày 10/10/2015 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/12/2018 giữa ông T và ông B không thể hiện nội dung có số tiền 500.000.000 đồng công ty PC vay chuyển sang cho cá nhân ông B vay.

Như vậy, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Đ có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ ông T là có thật, sau đó ông Đ đã dùng số tiền này gộp chung số tiền 1.000.000.000 đồng của mình rồi cùng ông N cho công ty PC vay lấy lãi. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 500.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 04/8/2014 là có cơ sở.

Bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án triệu tập ông Phạm Phú B lại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TT PC để làm rõ khoản tiền trên. Tuy nhiên, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Qua lời trình bày của bị đơn tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2021 phía bị đơn trình bày ông Đ là người trực tiếp giao số tiền vay 2.000.000.000 đồng cho ông B và ông B không biết trong số tiền này có 500.000.000 đồng ông Đ nhận từ ông T; ông Đ là người trực tiếp nhận tiền lãi từ công ty sau đó trích lại phần tiền lãi trên số tiền gốc 500.000.000 đồng đưa cho ông T. Do đó, việc vay mượn chỉ phát sinh giữa ông Đ, ông B và ông N chứ không liên quan đến khoản tiền mà ông T đang tranh chấp trong vụ án này.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn ông T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ vay thay cho Công ty TNHH TT PC theo Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014, đối với số tiền Công ty PC còn nợ của bị đơn là 516.571.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền vay gốc và 16.571.000 đồng tiền lãi theo Hợp đồng vay tiền số 02/PC-LĐ ngày 18/7/2014 .

Căn cứ quy định tại Điều 42 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, quy định việc thông báo về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như sau: *“Bên nhận bảo lãnh thông báo cho bên bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi phát sinh căn cứ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều 41 Nghị định này...”*. và Điều 43 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 cũng quy định thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như sau: *“Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong thời hạn do các bên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong một thời hạn hợp lý, kể từ thời điểm được thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”*.

Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn và phía bị đơn đều trình bày trước khi khởi kiện yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ số tiền 516.571.000 đồng thay cho công ty PC. Ông Đ chưa thông báo cho ông T biết về việc công ty PC vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cũng như việc thực hiện nghĩa vụ

bảo lãnh của nguyên đơn. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày năm 2018 ông Đ có gọi điện thoại yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận sự việc gọi điện thoại yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đ về việc yêu cầu nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ vay thay cho Công ty TNHH TT PC theo Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014 là hoàn toàn có cơ sở do ông Đ chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật. Ông Đ có quyền khởi kiện lại để giải quyết yêu cầu này khi đáp ứng đủ điều kiện khởi kiện.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nội dung vụ án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên việc nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi của số tiền nợ gốc 500.000.000đ đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này là có sự thiếu sót.

Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi 180.000.000 đồng, phần còn lại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các nội dung khác của bản án, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Trọng S.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Trọng T. Buộc ông Trần Trọng Đ có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Trọng T 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng tiền vay gốc theo giấy viết tay ngày 04/8/2014.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trần Trọng Đ thanh toán số tiền nợ lãi 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Đ về việc yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Giấy bảo lãnh ngày 13/7/2014. Quyền khởi kiện lại của ông Đ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Trần Trọng Đ phải chịu 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.331.000 (*Mười hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số 0004682 ngày 30/11/2021 và 300.000đ theo biên lai thu số 0005053 ngày 16/5/2022 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Ông Đ còn phải nộp 11.669.000 (*Mười một triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn*) đồng tiền án phí còn thiếu.

Miễn toàn bộ án phí cho ông Đoàn Trọng T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND thành phố Bảo Lộc (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân